

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán, các khoản đóng góp tự nguyện để thực hiện nhiệm vụ thay cha mẹ học sinh trong công tác phục vụ, nuôi dạy học sinh tại trường năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC NINH TIẾN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; và Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ giáo dục và đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ tình hình thực hiện thu-chi các khoản đóng góp tự nguyện để thực hiện nhiệm vụ thay cha mẹ học sinh trong công tác phục vụ, nuôi dạy học sinh năm học 2025-2026 của Trường Tiểu học Ninh Tiến;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán, kế hoạch thu-chi năm học 2025-2026 của Trường Tiểu học Ninh Tiến (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu nhà trường, các tổ chuyên môn, văn phòng và các đơn vị liên quan thuộc và trực thuộc nhà trường thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH
- Lưu :VT, KT



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TIỂU HỌC
NINH TIẾN

HIỆU TRƯỞNG

Quách Thế Nghĩa

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Tiểu học Ninh Tiến

Chương: 622



**DỰ TOÁN CÁC KHOẢN THU-CHI
NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ- THNT ngày 24/10/2025 của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Ninh Tiến)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I		
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí....	
	Phí....	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
I	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
I	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí...	
	Phí...	
B	Dự toán chi các khoản đóng góp	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Tiền ăn bán trú (23.000đ/HS ăn bán trú/ngày)	838.350.000
3.2	Tiền phục vụ bán trú (150.000đ/HS ăn bán trú/tháng)	364.500.000
3.3	Tiền mua đồ dùng phục vụ bán trú (K1:200.000đ/HS ăn bán trú/năm; K2,3,4,5: 100.000đ/HS ăn bán trú/năm)	34.700.000
3.4	Tiền điện (23.000đ/HS/tháng)	116.541.000

3.5	Tiền nước uống, nước sinh hoạt (18.000đ/HS/tháng)	91.206.000
3.6	Tiền vệ sinh trường, khu vệ sinh của HS (10.000đ/HS/tháng)	50.670.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1,1	Dự án A	
1,2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2,1	Dự án A	
2,2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3,1	Dự án A	
3,2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4,1	Dự án A	
4,2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5,1	Dự án A	
5,2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6,1	Dự án A	
6,2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7,1	Dự án A	
7,2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8,1	Dự án A	
8,2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9,1	Dự án A	
9,2	Dự án B	

10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10,1	Dự án A	
10,2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1,1	Dự án A	
1,2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2,1	Dự án A	
2,2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3,1	Dự án A	
3,2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4,1	Dự án A	
4,2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5,1	Dự án A	
5,2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6,1	Dự án A	
6,2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7,1	Dự án A	
7,2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8,1	Dự án A	
8,2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9,1	Dự án A	
9,2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10,1	Dự án A	
10,2	Dự án B	

Kế toán



Lê Thị Thúy Hồng

Hòa Lư, ngày 24 tháng 10 năm 2025

Hiệu trưởng



Quách Thế Nghĩa